TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày 21-5 -2018
V/v tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiễu.

2. Ông Phạm Đức Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân P**, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

* Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Xuân Bệ, sinh năm 1958;

Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bà Lương Thị Đào, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị T có mặt; anh P, ông B và bà Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2018, bản tự khai, tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Nguyễn Xuân P chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ tháng 4/2011 do chị chưa đủ tuổi kết hôn nên gia đình hai bên chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Đến ngày 20/3/2014, chị và anh P đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. Thời gian chung sống anh chị ở tại gia đình anh P ở Thôn T, xã S, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P không tu chí làm ăn, thường xuyên giao du, chơi bời với các đối tượng xấu, sống thiếu trách nhiệm với vợ con và gia đình, anh P còn sử dụng ma túy dẫn đến kinh tế gia đình sa sút. Khi chị khuyên can anh P thì anh P lại đánh đập chị. Ngay cả khi chị có thai, anh P vẫn đánh đập chị và còn dọa sẽ đánh chị cho chị sảy thai. Gia đình hai bên cũng đã phân tích, động viên nhưng anh P cũng không thay đổi. Vì lo sợ nếu cứ tiếp tục chung sống với anh P thì chị và các con sẽ gặp nguy hiểm nên tháng 6/2014 chị đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã Đ sinh sống. Anh P có tìm gọi chị quay về nhưng chị kiên quyết không đồng ý nên anh P đánh chị ngay tại nhà bố mẹ đẻ chị. Đầu tháng 9/2015, chị đi lao động ở Đài Loan, đến ngày 01/3/2018, chị chấm dứt hợp đồng lao động và về nước nhưng anh P vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi gì nên chị không về chung sống cùng anh P, vợ chồng không ai quan tâm gì đến ai từ tháng 6/2014 đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là Nguyễn Minh Hà V, sinh ngày 09/12/2011 và Nguyễn Trần Khánh V, sinh ngày 06/11/2014. Ly hôn, chị xin được nuôi cả hai và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị lao động tự do thu nhập khoảng 05 triệu đồng/tháng. Chị có nhà của bố mẹ đẻ cho ở nhờ và phụ giúp chị trong việc chăm sóc các con nên chị đủ điều kiện để tiếp tục nuôi các con đến khi trưởng thành.

Về tài sản: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

*/ Tại Biên bản ghi lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Xuân B sinh năm 1958, là bố đẻ của anh Nguyễn Xuân P thể hiện: Về thời gian và điều kiện kết hôn giữa anh P và chị T đúng như chị T trình bày. Qúa trình chung sống, anh chị thường xuyên bất hòa với nhau. Nguyên nhân là do anh P ham chơi, sống thiếu

trách nhiệm với vợ con. Khi chị T đang mang thai, có khuyên can anh P, anh P còn đánh đập chị. Tháng 6/2014, chị T đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh P và chị T kéo dài đã quá lâu. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân theo quy định của pháp luật, Về quan hệ con chung: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về quan hệ tài sản: Ông B cũng trình bày như ý kiến của chị T.

Ông B đã nhận thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án thay cho anh P, ông đã thông báo cho anh P, anh P đã biết việc chị T xin ly hôn anh nhưng anh P có nói lại là đang bận, không về giải quyết được. Các các văn bản tố tụng khác, ông cam kết cũng sẽ nhận thay cho anh P và sẽ thông báo lại ngay cho anh P.

*/ Tại biên bản ghi lời khai của người làm chứng là bà Lương Thị Đ, sinh năm 1975 (mẹ đẻ của chị T) thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời điểm và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh P và chị T đúng như chị T trình bày. Đến nay, bà thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P đã kéo dài quá lâu, anh chị cũng không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh P. Về quan hệ con chung và quan hệ tài sản: Bà cũng trình bày như lời trình bày của chị T.

*/ Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 24/4/2018 thể hiện:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn giữa chị T và anh P đúng như chị T đã trình bày. Cơ sở thôn cũng đã nhiều lần hòa giải, can thiệp nhưng vì anh P không thay đổi nên mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Địa phương nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị tồn tại đã lâu, kéo dài nhưng không giải quyết được, vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về quan hệ con chung: Đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị T nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu vì hiện anh P không có công ăn việc làm ổn định đồng thời có thông tin ở địa phương cho rằng, anh P còn sử dụng ma túy. Về tài sản chung và nợ chung của chị T và anh P, địa phương không nắm được cụ thể.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn không có mặt để làm việc trực tiếp tại Tòa án. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị xử cho chị T được ly hôn anh P. Về con chung: Đề nghị giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng

nuôi con. Về tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Xuân P và đề nghị giải quyết việc nuôi con khi ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; Anh Nguyễn Xuân P có nơi cư trú tại: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Xuân P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Do anh P là người không tu chí làm ăn, sống thiếu trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Khi chị T khuyên bảo, anh P không nghe mà còn đánh chửi chị. Từ tháng 6/2014, chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh P không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị T được ly hôn anh P.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân P có 02 con chung là Nguyễn Minh Hà V, sinh ngày 09/12/2011 và Nguyễn Trần Khánh V, sinh ngày 06/11/2014, hiện các cháu đang ở với chị T. Chị T đủ điều kiện để nuôi con, anh P không có công ăn việc làm ổn định, do vậy, sau khi ly hôn, cần giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

[5] Về quan hệ tài sản: Do không có ý kiến của anh P về phần tài sản nên tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 147; Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân P.

2. Về quan hệ con chung:

Xử giao cả hai con chung là Nguyễn Minh Hà V, sinh ngày 09/12/2011 và Nguyễn Trần Khánh V, sinh ngày 06/11/2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Xuân P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị T, anh P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0002910 ngày 06/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành án phí.

Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21/5/2018

Anh Nguyễn Xuân P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Uỷ ban nhân dân xã Song Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương